

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09/6/2026

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Phán

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Danh Đức và ông Nguyễn Mạnh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
12 – Hải Phòng

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên
tòa:* Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải
Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-
HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2026 giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị U, sinh năm 1987. CCCD số:
03018700256 cấp ngày 29/4/2021;

Địa chỉ: thôn HH, xã MD, thành phố Hải Phòng. Xin vắng mặt tại phiên
tòa.

2. Bị đơn: Anh Lương Tuấn A, sinh năm 1984. CCCD số: 030084015408
cấp ngày 29/4/2021;

Địa chỉ: thôn HH, xã MD, thành phố Hải Phòng. Xin vắng mặt tại phiên
tòa.

***Người làm chứng:**

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn PC, xã MD, thành phố Hải
Phòng. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị B, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn HH, xã MD, thành phố
Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lương Thị U trình bày: Chị và anh Lương Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau, không tìm được tiếng nói chung... Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, song tình cảm vợ chồng không cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế, chị về ngoại sinh sống ly thân với anh từ hai năm nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Lương Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 02 con chung là cháu Lương Tuấn T, sinh ngày 15/4/2018 và cháu Lương Cao Kỳ D, sinh ngày 06/10/2021. Hiện cháu Tú đang ở với anh Tuấn A, cháu Duyên đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Duyên, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Về thu nhập, chị hiện đang làm Giáo viên tại trường PTTH Cẩm Giàng, mức lương chính 13.000.000 đồng/ tháng và được bố mẹ đẻ phụ giúp về chỗ ở, trông con, kinh tế.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Tuấn A trình bày: Anh và chị U tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn như chị Lương Thị U trình bày là đúng, vợ chồng ở với nhau đến khoảng tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng mâu thuẫn đến đỉnh điểm. Anh đồng ý ly hôn với chị U để sớm ổn định cuộc sống. Anh và chị U có hai con chung như chị U trình bày; anh đề nghị giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh không yêu cầu chị U phải góp tiền nuôi con chung.

Anh có nơi ăn chỗ ở ổn định, làm tại công ty UMC có thu nhập ổn định 12.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung; mặt khác bố mẹ đẻ anh cũng chăm sóc các cháu cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị T trình bày: Tôi là mẹ đẻ chị U, khoảng năm 2020, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị U không chịu được áp lực đã cùng con gái về ở cùng gia đình tôi, anh Tuấn A và chị U đã ly thân nhiều năm. Nay chị U quyết định thế nào tôi tôn trọng. Chị U nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì tôi hỗ trợ chỗ ăn ở và thời gian chăm sóc cháu.

- Bà Đặng Thị B trình bày: tôi là mẹ đẻ anh Tuấn A. Chị U và anh Tuấn A sau khi kết hôn ở gia đình nhà tôi, được gia đình đùm bọc. Sau đó, vợ chồng này sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị U nghi ngờ anh Tuấn A ngoại tình. Mặc dù vậy, tôi mong Toà án hoà giải để các cháu về đoàn tụ. Về nuôi con, tôi được biết anh Tuấn A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Tú, còn cháu Duyên để chị U nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét công bố các lời khai, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án; đề nghị Viện kiểm sát khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu quan điểm về tố tụng và hướng giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị U và anh Tuấn A; Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán: giao cháu Lương Tuấn T, sinh ngày 15/4/2018 cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu Lương Cao Kỳ D, sinh ngày 06/10/2021 cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị U phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại thôn Hoàng Hòa, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị U, anh Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Quan hệ về hôn nhân: Chị Lương Thị U kết hôn với anh Lương Tuấn A là tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung

sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đã về mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh từ cuối 2022, anh chị cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, xác định hôn nhân giữa chị U và anh Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được chị U và anh Tuấn A thuận tình ly hôn; vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lương Tuấn T, sinh ngày 15/4/2018 và cháu Lương Cao Kỳ D, sinh ngày 06/10/2021, hiện cháu Tú đang ở với anh Tuấn A, cháu Duyên đang ở với chị U. Chị U có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Duyên và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Anh Tuấn A có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuấn Tú và cháu Kỳ Duyên không yêu cầu chị U cấp dưỡng. Xét thấy chị U có công việc và thu nhập ổn định (khoảng 13 triệu đồng/tháng), có nhà ở cùng bố mẹ đẻ chăm sóc con, hơn nữa hiện cháu Duyên còn nhỏ lại là con gái; anh Tuấn A có công việc thu nhập ổn định (khoảng 12 triệu đồng/tháng) có nhà ở của bố mẹ, bố mẹ đẻ hiện đang nuôi dưỡng cháu Tuấn Tú đảm bảo phát triển mọi mặt. Vì vậy, xét về điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung của anh, chị đều tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của các cháu, Hội đồng xét xử giao cho chị U được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Cao Kỳ D, sinh ngày 06/10/2021; anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Tuấn T, sinh ngày 15/4/2018 đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị U và anh Tuấn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:: Chị U và anh Tuấn A không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Quan hệ về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị U và anh Lương Tuấn A.

- Về con chung: Giao cho chị Lương Thị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Cao Kỳ D, sinh ngày 06/10/2021; giao cho anh Lương Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Tuấn T, sinh ngày 15/4/2018 đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị U và anh Tuấn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị U, anh Tuấn A không yêu cầu nên không giải quyết.

- Án phí: Chị Lương Thị U tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ và tự nguyện sung Nhà nước 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0004662 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Mao Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thiện Phán